TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 24 tháng 3 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tần;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đậu Thanh M**, sinh năm 1997.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 37, Khu 13, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Mari Swialkiewicz 49D, 05-550 Wo'lkan KoSowska. (Hiện nay đang ở Việt Nam).

Bị đơn: Anh **Nghiêm Xuân T**, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: khu 5, xã S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Mari Swialkiewicz 49D, 05-550 Wo'lkan KoSowska.

Đại diện theo ủy quyền của anh T: Bà **Đặng Thị T1**, sinh năm 1970.

Nơi ĐKHKTT: khu 5, xã S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(anh T và chị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đậu Thanh M trình bày:

Chị và anh Nghiêm Xuân T đăng ký kết hôn ngày 30/12/2014 tại UBND phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi

kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng với bố, mẹ anh T tại xã S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không được hòa thuận, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không thống nhất trong việc làm ăn, thường xuyên cãi nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị và anh T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 01 con chung là Nghiêm Xuân K, sinh ngày 29/11/2014, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không có công sức gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Nghiêm Xuân T trình bày: anh và chị Đậu Thanh M kết hôn với nhau ngày 30/12/2014 trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở chung cùng bố mẹ anh. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do không thống nhất chuyện làm ăn, tình cảm vợ chồng cũng không có, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay anh T xin được thuận tình ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung là Nghiêm Xuân K, sinh ngày 29/11/2014. Hiện nay cháu đang sống với ông bà ngoại. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai và không cho ai vay tài sản gì. Nên khi ly hôn anh không có yêu cầu gì.

Do anh T đang làm việc tại Ba Lan không thể có mặt khi Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh và chị M nên anh T ủy quyền cho mẹ đẻ bà Đặng Thị T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: khu 5, xã S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Thay anh T nhận các văn bản tố tụng của tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh Nghiêm Xuân T và bà Đặng Thị T1 trình bày như sau: Bà xác định vợ chồng anh T và chị M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn như lời khai của anh T và chị M. Nay anh T và chị M xin thuận tình ly hôn gia đình bà cũng nhất trí.

Về con chung anh T và chị M có một con chung là Nghiêm Xuân K, sinh ngày 29/11/2014. Sau khi anh T và chị M ly hôn cháu K ở với ai là do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng, bà thấy chị M, anh T không có tài sản gì, không nợ ai và cho ai vay tài sản gì và cũng không có công sức gì đóng góp cho hai bên gia đình. Bà là người được anh T ủy quyền nhận các giấy tờ văn bản của tòa án. Bà cam kết sẽ có trách nhiệm nhận các giấy tờ của tòa án và giao lại cho anh T đầy đủ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, 55, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điều 37, khoản 4 điều 147, điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thanh M và anh Nghiêm Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Nghiêm Xuân K, sinh ngày 29/11/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đậu Thanh M nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con. Xong trong đơn nội dung hai bên chỉ thuận tình ly hôn còn về con chung hai bên không thỏa thuận được. Do vậy Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật. Hiện nay anh Nghiêm Xuân T đang sống và làm việc tại cộng hòa Ba Lan. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, bản tự khai của anh T đều nghi ngày 22/02/2022 và có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này anh T không có mặt ở Việt Nam và trong bản tự khai anh T cũng đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, bản tự khai, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và Trong quá trình giải quyết vụ án chị M cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thanh M và anh Nghiêm Xuân T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30/12/2014 tại UBND phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh T và chị M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau. Chị M và anh T đều xác định vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đều đề nghị xin được thuận tình

ly hôn. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị M là phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị M và anh T có một con chung là Nghiêm Xuân K, sinh ngày 29/11/2014. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng xin được nuôi cháu K và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, còn anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hiện nay anh T đang ở nước ngoài nên không có thời gian chăm sóc con chung, bản thân cháu K cũng có nguyện vọng xin được ở với chị M và chị M cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu K. Do vậy, cần giao cháu Nghiêm Xuân K, sinh ngày 29/11/2014 cho chị Đậu Thanh M được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Vì chị M tự nguyện không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T, chị M đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị M tự nguyện xin chịu toàn bộ 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 51, 55, điều 81, 82, 83 và điều 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thanh M và anh Nghiêm Xuân T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nghiêm Xuân K, sinh ngày 29/11/2014 cho chị Đậu Thanh M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M vì chị M tự nguyện không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị M và anh T đều xác định không có nên không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: chị Đậu Thanh M chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đậu Thanh M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000160 ngày

02/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị M 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của anh T là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tần **Nguyễn Ngọc Thắng** **Nguyễn Hà Giang**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND phường M;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang